

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/DS-PT

Ngày: 28 - 02 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng  
góp hui”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp.

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Hồng Tâm.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 28 tháng 02 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 209/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1962;

Địa chỉ: 58 Đường A, khu phố B, phường C, thị xã D, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là anh Phạm Duy M, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: 14 Đường E, khu phố H, phường K, thị xã D, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 10/01/2019).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T1 (Đ), sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của chị T1 là bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: 27 Đường P, phường O, thành phố E, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 19/02/2019).

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Luật sư Trần Ngọc Q - Văn phòng Luật sư Phạm Thị Kim T3 - Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt);

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Mai Quốc T4, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện N, Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh T5 là bà Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: 27 Đường P, phường O, thành phố E, tỉnh Tiền Giang (Theo văn bản ủy quyền công chứng ngày 03/10/2019).

5. Người làm chứng:

5.1. Phạm Nguyễn H (H Ruồi), sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố B, phường 1, thị xã D, tỉnh Tiền Giang.

5.2. Lê Văn C, sinh năm 1961 (vắng mặt);

5.3. Lê Trần Minh Q, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 58 Đường A, khu phố B, phường C, thị xã D, Tiền Giang.

6. Người kháng cáo: Bị đơn chị Trần Thị T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Nguyên đơn bà Trần Ngọc L và đại diện ủy quyền là anh Phạm Duy M trình bày:*

Chị T1 có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng, khai ngày 15/12/2017 (âm lịch) do bà L làm chủ thảo, hụi nửa tháng khai 01 lần và gồm có 20 phần, chị T1 tham gia 6 phần và đã hót 6 phần hụi ngay kỳ đầu tiên với số tiền là 460.800.000 đồng (4.200.000 đồng/phần x 19 kỳ hụi sống) - 3.000.000 đồng (hoa hồng cho thảo) x 6 phần). Bà L đã giao đủ số tiền hụi này cho chị T1 tại cửa hàng vật liệu xây dựng Mai Phước T của chị T1 ngụ xã Yên Luông, huyện Gò Công Tây ngay ngày 15/12/2017 (âm lịch). Khi đó, chị T1 lấy hóa đơn của cửa hàng đưa cho bà L viết nội dung giao hụi và hai bên ký tên.

Sau khi hót hụi, chị T1 chỉ đóng lại cho bà L 3 kỳ hụi chết, mỗi kỳ là 30.000.000 đồng vào ngày 30/12/2017 (âm lịch), ngày 15/01/2018 (âm lịch) và ngày 30/01/2018 (âm lịch) với tổng số tiền là 90.000.000 đồng rồi ngưng cho đến nay. Để duy trì dây hụi và đảm bảo uy tín với những hụi viên khác, bà L đã đóng hụi thay cho chị T1 từ kỳ hụi thứ năm (tức là ngày 15/02/2018 âm lịch) cho đến khi mãn hụi vào ngày 30/9/2018 (âm lịch) tổng cộng 16 kỳ với số tiền là 480.000.000 đồng (5.000.000 đồng/phần x 6 phần x 16 kỳ). Anh T5 - chồng chị T1 là người trực tiếp đóng 03 kỳ hụi chết của dây hụi này cho bà L nên anh T5

cũng biết chị T1 chơi hụi và đã hốt hụi; hơn nữa vợ chồng chị T1 làm ăn chung và anh T5 là người quản lý tiền nên bà L khởi kiện yêu cầu chị T1 cùng chồng là anh T5 có nghĩa vụ liên đới trả lại bà số tiền nợ hụi là 480.000.000 đồng 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Về chi phí giám định: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

- *Tại bản tự khai ngày 12/02/2019:* Chị T1 không thừa nhận có nợ bà L số tiền 480.000.000 đồng. Nếu có chữ ký của chị trong biên nhận số tiền 480.000.000 đồng thì chị đồng ý trả, ngược lại bà L vu khống chị thì phải đền bù danh dự cho chị gấp đôi số tiền này. Hiện bà L còn nợ chị số tiền 160.000.000 đồng, do hàng tháng chị phải đóng cho bà L 02 phần hụi chết là 20.000.000 đồng nhưng bà L thu của chị 30.000.000 đồng là đã gian lận tiền hụi của chị mỗi kỳ là 10.000.000 đồng và chị đã đóng cho bà L tổng cộng là 16 kỳ, như vậy số tiền mà bà L đã chiếm đoạt của chị là 160.000.000 đồng.

- *Tại biên bản lấy lời khai cùng ngày 12/02/2019, chị T1 trình bày:* Chị xác định không có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/12/2017 (âm lịch) như bà L trình bày mà bà L tự ghi chị tham gia 06 phần và giao tất cả 06 phần hụi này cho chị ngay kỳ đầu tiên. Bà L không giao tiền hụi mà cần trừ vào tiền nợ hụi chết mà chị còn nợ bà L đối với dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 09/7 (chị không nhớ năm), nửa tháng khai 01 lần. Nhưng khi tính tiền hụi thì chị phát hiện bà L gian lận tiền hụi của chị mỗi kỳ 10.000.000 đồng, tổng cộng 16 kỳ là 160.000.000 đồng nên xảy ra cự cãi. Khi đó, bà L đồng ý trả lại chị số tiền này nhưng sau đó bà không thừa nhận. Chị xác định chữ ký “T1” trong biên nhận ngày 15/12/2017 mà bà L cung cấp cho Tòa án không phải do chị ký, có thể bà L dùng biên nhận hụi của dây hụi trước đó để làm chứng cứ kiện chị trả tiền hụi chết của dây hụi này.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 07/5/2019, đại diện ủy quyền của chị T1 là bà T2 trình bày:* Trước đây, chị T1 có tham gia góp hụi do bà L làm chủ thảo nhưng chồng chị T1 là anh Mai Quốc T4 trực tiếp giao dịch hụi, đóng hụi và hốt hụi với bà L vì chồng chị T1 không cho chị T1 quản lý tiền. Chị T1 đã ngưng chơi hụi của bà L từ năm 2017 đến nay do bà L gian lận tiền hụi của chị. Chị T1 xác định ngày 15/12/2017 (âm lịch) không có tham gia góp hụi và hốt hụi của dây hụi nêu trên như phía nguyên đơn trình bày nên không đồng ý trả số tiền 480.000.000 đồng.

Về 02 tờ giấy tay ghi hụi mà chị T1 đã giao nộp cho Tòa án gồm:

1. Giấy tay ghi dây hụi 10.000.000 đồng mỗi tháng khai 02 lần nhưng không nhớ mở hụi vào thời điểm nào, dây hụi này chị T1 đã chơi trước đó đã mãn, hiện chị T1 không còn nợ mà bà L tính nhầm và chiếm đoạt của chị số tiền 160.000.000 đồng. Do chị không có chứng cứ nên không khởi kiện trong vụ án này.

2. Giấy tay ghi dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/12/2017, nhưng chị

T1 xác định không có tham gia dây hụi này mà bà L tự ghi vào sổ hụi là chị có tham gia góp và hốt hụi, rồi tự trừ các khoản nợ khác mà không giao hụi trong khi chị không có nợ bà L. Lý do chị T1 có tờ giấy hụi này là vào khoảng tháng 4/2018 (âm lịch), vợ chồng bà L và con trai bà L đến nhà chị T1 để đòi tiền nợ hụi mà chồng chị T1 là anh Mai Quốc T4 còn nợ trước đó. Sau khi tính hụi, chị T1 mới biết bà L đã tính nhầm tiền hụi của dây hụi 10.000.000 đồng nêu trên và chiếm đoạt của chị T1 số tiền 160.000.000 đồng (10.000.000 đồng/phần x 16 kỳ) nên hai bên xảy ra cự cãi, chồng và con bà L cũng thừa nhận sự việc này và bà L rút bỏ lại sổ hụi ở nhà chị T1. Sau khi bà L khởi kiện, chị T1 xem lại sổ hụi này và phát hiện ra tờ giấy hụi này nên nộp cho Tòa án để chứng minh chị không có tham gia chơi hụi và hốt hụi của dây hụi này.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/11/2019, chị T1 trình bày:*

Chị xác định Tờ biên nhận giao hụi viết tay đề ngày 15/12/2017 (có cân trừ các khoản nợ) trong quyển sổ hụi của bà L là do bà L viết sẵn ở nhà và đem đến cửa hàng vật liệu xây dựng Mai Phước T của chị ở xã S, huyện Q để giao cho chị tiền hụi của dây hụi này nhưng chị không nhớ thời điểm bà L đến giao hụi là khi nào. Tuy nhiên, khi đó, do bà L cân trừ tiền hụi vào nhiều khoản nợ không rõ ràng nên hai bên tiến hành đối chiếu sổ hụi thì chị phát hiện chị đã đóng nhầm tiền hụi chết của dây hụi 10.000.000 đồng khai ngày 09/7/2017, mỗi kỳ là 10.000.000 đồng, tổng cộng 16 kỳ là 160.000.000 đồng nên chị yêu cầu bà L trả lại chị số tiền này nhưng bà L không đồng ý, hai bên xảy ra cự cãi và bà L bỏ về, để quên quyển sổ ghi hụi này tại cửa hàng của chị mà không giao tiền hụi cho chị như bà L trình bày. Chị không biết “Q” và “L” mà bà L ghi trong biên nhận giao hụi này và chị cũng không có nợ tiền của bà L nên hai bên không có thỏa thuận cân trừ nợ vào tiền hụi của dây hụi này. Chị xác định không có tham gia dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/12/2017 do bà L làm thảo và hiện không có nợ tiền bà L.

- *Tại Biên bản hòa giải ngày 23/7/2020, đại diện ủy quyền của chị T1 là bà T2 trình bày:*

Chị T1 xác định bà L không có giao cho chị T1 số tiền hụi là 460.800.000 đồng như bà L trình bày. Do công việc làm ăn nên chị T1 ký tên vào nhiều tờ hóa đơn, dù kết quả giám định chữ ký “T1” trong biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 là chữ ký của chị nhưng chị xác định không có tham gia góp và hốt hụi dây hụi này. Tờ giấy tay ghi việc giao hụi ngày 15/12/2017 và có cân trừ vào tiền nợ mà chị T1 cung cấp cho Tòa án nằm trong quyển sổ hụi của bà L do bà L để quên tại cửa hàng vật liệu xây dựng của chị T1 khi vợ chồng bà L cùng người con trai tên Q đến nhà chị để đòi tiền nợ hụi.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/12/2020, đại diện ủy quyền của chị T1 trình bày:*

Dây hụi này không có thật và do trước đó hai bên đã cự cãi về việc bà L gian lận tiền hụi chiếm đoạt của chị T1 số tiền 160.000.000 đồng của dây hụi 10.000.000 đồng nên chị T1 không có chơi hụi dây hụi này và cũng không có

hốt hụi như phía bà L trình bày nên không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L. Hơn nữa, nếu chị T1 có chơi dây hụi này thì việc chủ thảo là bà L cho chị T1 hốt 01 lần 06 phần hụi như bà L trình bày là không đúng quy định góp hụi. Chị T1 đề nghị giám định lại chữ ký “T1” trong biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/12/2020, chị T1 và đại diện ủy quyền của chị T1 là bà T2 trình bày:*

Chị T1 không tham gia dây hụi này mà chồng chị là anh T5 trực tiếp tham gia 06 phần hụi của dây hụi này do bà L làm thảo. Do anh T5 giấu chị tham gia hụi và hốt hụi sử dụng riêng nên chị không biết. Việc giao dịch hụi giữa bà L và anh T5 tự hai bên thỏa thuận, chị không biết nhưng chị yêu cầu bà L về Việt Nam và trực tiếp đối chất với chị và anh T5 để làm rõ dây hụi này.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 17/5/2021, chị T1 và đại diện ủy quyền của chị T1 là bà T2 trình bày:*

Chị T1 xác định chị không tham gia dây hụi này. Chị thừa nhận chữ ký “T1” trong Biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 là do chị ký nhưng chị không có nhận số tiền hụi là 460.800.000 đồng như phía bà L trình bày. Nếu chị có ký nhận tiền thì phía trên chị phải ghi dòng chữ “Tôi có nhận của bà L số tiền hụi là 460.800.000 đồng” trước khi ký tên ở phía dưới tờ biên nhận. Do chị kinh doanh vật liệu xây dựng và ký tên vào nhiều tờ hóa đơn nên có thể bà L tự ghi không biên nhận giao hụi này. Hơn nữa nếu chị có viết thì viết ở mặt trước tờ hóa đơn chứ không viết ở mặt sau của tờ hóa đơn như biên nhận mà bà L cung cấp. Do chồng chị tham gia góp dây hụi này nên giữa bà L và anh T5 tự thỏa thuận, chị không đồng ý trả tiền hụi theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Quốc T4 trình bày:*

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/10/2019, biên bản hòa giải ngày 23/7/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm ngày 01/12/2020, anh T5 và đại diện ủy quyền của anh T5 là bà Thoa thống nhất trình bày:*

Anh T5 là chồng chị T1, vợ chồng anh T5 cùng kinh doanh chung cửa hàng vật liệu xây dựng nhưng do tính chị T1 hay bất cần nên anh không cho chị T1 quản lý tiền. Trước đây, chị T1 có tham gia hụi do bà L làm thảo nhưng anh T5 là người trực tiếp đi đóng hụi. Đối với dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/12/2017 (âm lịch), anh không biết chị T1 có tham gia hay không.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/12/2020 và ngày 17/5/2021, anh T5 và đại diện ủy quyền của anh T5 là bà T2 thống nhất trình bày:*

Anh xác định anh là người chơi hụi và hốt dây hụi 5.000.000 đồng khai ngày 15/12/2017 (âm lịch) do bà L làm chủ thảo. Trước đây, chị T1 có chơi hụi của bà L nhưng từ năm 2017 hai bên xảy ra cự cãi việc bà L gian lận số tiền hụi mà anh đóng dư là 160.000.000 đồng nên đã ngưng chơi hụi của bà L. Sau đó, anh đã giấu chị T1 tham gia 06 phần hụi của dây hụi này và hốt hụi với mục đích mua xe hơi và sử dụng nguồn tiền do nuôi tôm riêng để đóng lại hụi chết cho bà L. Tuy nhiên, bà L chỉ giao hụi cho anh với số tiền 210.007.800 đồng vào

ngày 22/02/2018 (tức là ngày 07/01/2018 âm lịch) bằng hình thức chuyển tiền 08 lần vào tài khoản của anh mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Phòng giao dịch Gò Công, Tiền Giang nên anh không đủ tiền mua xe và sau khi hốt hụi thì anh chỉ đóng lại 03 kỳ hụi chết với số tiền 90.000.000 đồng rồi ngưng. Anh đóng hụi cho bà L cũng bằng hình thức chuyển khoản lại cho bà L và yêu cầu bà L ký tên nhận tiền hụi chết vào tờ giấy hụi và đưa cho anh giữ, anh đã cung cấp tại phiên tòa ngày 07/12/2020. Nay anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L vì hiện bà L còn nợ lại anh số tiền 40.000.000 đồng, sau khi trừ tiền hốt hụi là 210.007.800 đồng vào tiền hụi chết đã đóng 03 kỳ là 90.000.000 đồng và số tiền 160.000.000 đồng mà anh đóng hụi còn dư (đóng nhằm tiền hụi của dây hụi 10.000.000 đồng nêu trên là 160.000.000 đồng) và anh yêu cầu bà L trả lại anh số tiền này.

*Người làm chứng ông Lê Văn C trình bày:*

Ông là chồng bà L, trước đây bà L làm thảo hụi thì ông biết chị T1 có tham gia 6 phần hụi của dây hụi nêu trên và hốt hụi với số tiền 460.800.000 đồng ngay khi mở hụi vào ngày 15/12/2017 (âm lịch). Do ông chở bà L đi giao tiền hụi cho chị T1 và chứng kiến sự việc bà L có giao đủ số tiền hụi này cho chị T1 tại cửa hàng vật liệu xây dựng Mai Phước T của chị T1 ngụ xã S, huyện Q. Khi đó, chị T1 lấy hóa đơn của cửa hàng đưa cho bà L viết nội dung giao hụi và chị T1 ký tên nhận tiền hụi. Ông xác định khi giao hụi vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) tại nhà chị T1, hai bên không thỏa thuận cần trừ tiền nợ vào tiền hụi của dây hụi này mà giao đủ tiền mặt cho chị T1. Khi đó, chỉ có 02 vợ chồng ông và chị T1 đồng thời không có việc cự cãi hay bỏ quên sổ hụi như chị T1 trình bày. Ông không biết việc chị T1 đóng nhằm tiền hụi 160.000.000 đồng. Sau khi hốt hụi, do chị T1 không đóng hụi chết của dây hụi này, vợ chồng ông có nhiều lần đến gặp chị T1 đòi nợ nhưng chị T1 vẫn không trả nên bà L khởi kiện. Do bà L làm hụi riêng nên ông không có yêu cầu gì mà để bà L quyết định việc khởi kiện đòi tiền nợ hụi đối với vợ chồng chị T1.

*Người làm chứng anh Lê Trần Minh Q trình bày:*

Anh là con trai bà L, khoảng giữa năm 2018, anh có đi cùng mẹ anh đến nhà chị T1 để đòi tiền nợ hụi của dây hụi này nhưng chị T1 không trả. Trước đó, cha mẹ anh nhiều lần đến nhà chị T1 đòi tiền hụi chết của dây hụi này. Anh không biết việc thỏa thuận giao dịch hụi giữa hai bên nên anh không biết việc chị T1 đóng nhằm tiền hụi cho mẹ anh và cũng không biết việc mẹ anh có bỏ quên sổ hụi tại cửa hàng chị T1 hay không.

*Người làm chứng anh Phạm Nguyễn H trình bày:*

Khoảng năm 2018, anh có đi cùng một người bạn tên T6 và con trai bà L (anh không rõ họ tên) đến nhà chị T1. Khi đến nhà chị T1, anh chỉ đứng ở ngoài và nghe hai bên cự cãi rồi sau đó ra về chứ anh không biết chuyện tiền bạc giữa hai bên.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của  
Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng:

- Các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điều 24, khoản 3 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biểu, phường;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L. Buộc chị Trần Thị T1 và anh Mai Quốc T4 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hui là **480.000.000 đồng** (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- Về chi phí giám định:
  - + Bà L có nghĩa vụ hoàn lại chị T1 chi phí giám định là **1.900.000 đồng** (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*).
  - + Chị T1 và anh T5 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại bà L chi phí giám định là **4.900.000 đồng** (*Bốn triệu chín trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

## 2. Về án phí:

- Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 46101 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nên hoàn lại bà số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).
- Chị T1 và anh T5 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.396.000 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, bị đơn chị Trần Thị T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại việc buộc chị trả số tiền 480.000.000 đồng.

*Tại phiên tòa phúc thẩm các bên đương sự trình bày, tranh luận:*

Nguyên đơn: bà Trần Ngọc L (đại diện theo ủy quyền anh Phạm Duy M): Tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn cho rằng việc chơi hụi, nhận tiền hụi bị đơn đã viết biên nhận tiền nhưng chưa thực hiện xong việc thanh toán tiền nợ hụi chết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ hụi còn lại là 480.000.000 đồng. Đối với nội dung và số liệu thể hiện trong sổ theo dõi hụi của nguyên đơn, bị đơn đã yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa ngày 28/10/2021 để làm rõ, nguyên đơn cũng đã cung cấp ý kiến về những nội dung theo yêu cầu của bị đơn, Hội đồng xét xử cũng đã xác minh hiện tại bà L không có mặt tại địa chỉ như bị đơn trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N.

Bị đơn: Bà Trần Thị T1 (Đ) (đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thu T2), yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại giấy giao nhận tiền giữa bị đơn và bà L không có phát sinh; Giấy giao nhận nợ hụi mà bà L cung cấp cho Tòa nằm trong quyển sổ hụi của bà L tại trang 21, bà L lấy ra nội dung đoạn trên của trang này nhưng trang 21 này ghi nhiều nội dung khác nhau chưa được đối chất làm rõ. Giấy giao hụi ngày 15/12/2017 ghi vô ngày 15/12/2017, hốt ngày 15/12/2017 là vô lý, thông thường thì khi hốt hụi thì năm, bảy ngày sau chủ hụi mới giao. Theo danh sách chơi hụi do bà L cung cấp cho Tòa hụi khai 15 ngày 1 lần thì không thể có việc hốt một lần 06 phần như vậy, những tháng sau đó hụi viên khác hốt thì bà L xử lý giao hụi ra sao. Bị đơn cho rằng chị T1 không chơi và nợ tiền hụi như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hụi là do anh T5 chồng của chị T1 chơi, nên chị T1 không có nợ tiền hụi và không có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm để xét xử lại do cấp sơ thẩm chưa điều tra xác minh đầy đủ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Mai Quốc T4 (đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Thu T2) không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, Luật sư Trần Ngọc Q tranh luận: Việc nguyên đơn khởi kiện với chứng cứ là biên nhận tiền hụi của bị đơn để buộc bị đơn thanh toán tiền nợ hụi chết chưa thực hiện là chưa thuyết phục. Bởi vì bị đơn không thừa nhận có chơi hụi, hốt hụi, nhận tiền hụi như nguyên đơn khởi kiện, việc chơi hụi là do anh T5 chồng của bị đơn chơi, chị T1 không biết, nguyên đơn căn cứ vào biên nhận giao hụi để kiện bị đơn buộc bị đơn trả tiền nợ hụi là chưa thỏa mãn các điều kiện cần và đủ, vì trong sổ theo dõi hụi của nguyên đơn tại trang 21 còn thể hiện nhiều con số có liên quan đến tiền hụi, tiền nợ do nguyên đơn ghi nhưng chưa được điều tra, đối chất làm rõ, bị đơn còn cho rằng trong quá trình chơi hụi, bị đơn đã đóng dư số tiền nợ hụi cho nguyên đơn, thực chất việc chơi hụi là do anh T5 chồng của chị T1 chơi, không phải do chị T1 chơi, thể hiện việc nguyên đơn đã chuyển nhiều lần tiền qua ngân hàng cho anh T5, trong sổ cũng có thể hiện số tiền tên anh T5. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi chưa thanh



toán là chưa có căn cứ mà cần phải điều tra, đối chất làm rõ toàn bộ nội dung biên nhận, sổ theo dõi hui của nguyên đơn, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, phát biểu tranh luận của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Nhận thấy, bị đơn có tham gia chơi hui và hốt hui do nguyên đơn làm chủ thảo, thể hiện qua biên nhận tiền hui đề ngày 15/12/2017 với tổng số tiền của 06 phần hui đã nhận là 460.800.000 đồng bị đơn T1 ký nhận, kết luận giám định xác định bị đơn ký, bị đơn cũng thừa nhận đóng được 03 kỳ hui chết thì không tiếp tục đóng nữa nên có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền hui chết như nguyên đơn yêu cầu, đối với khoản tiền bị đơn cho rằng đóng hui cho nguyên đơn dư nhưng bị đơn không có yêu cầu phản tố ở giai đoạn sơ thẩm thì bị đơn có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác, bị đơn cũng không cung cấp hay bổ sung tài liệu gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, do đó không có căn cứ để xem xét chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Những người làm chứng vắng mặt không lý do, Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy người làm chứng đã được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập lời khai thể hiện rõ nội dung sự việc, các đương sự không có ý kiến khác.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo, lời trình bày, tranh luận tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

- Từ những chứng cứ, tài liệu và lời khai các bên thể hiện trong hồ sơ tại cấp sơ thẩm xác định giữa nguyên đơn bà Trần Ngọc L là chủ hui và bị đơn chị Trần Thị T1 là hui viên, ngoài ra các bên còn giao dịch vay mượn tiền. Chị T1 đã tham gia chơi hui do bà L làm chủ thảo nhiều dây hui được thể hiện trong sổ hui và lời khai của bị đơn. Trong quá trình chơi hui, nguyên đơn cho rằng bị đơn sau khi hốt hui đã không thực hiện nghĩa vụ đóng hui với số tiền 480.000.000 đồng, nên phải có nghĩa vụ thanh toán nợ hui cho nguyên đơn theo biên nhận tiền giao hui ngày 15/12/2017.

- Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn chị Trần Thị T1 và chồng là anh Mai Quốc T4 có nhiều lời khai khác nhau, lúc thì không thừa nhận chơi hụi, nợ hụi như nguyên đơn yêu cầu, lúc thì khai do chồng tham gia chơi dây hụi như nguyên đơn yêu cầu trả nợ chưa thanh toán, anh T5 thì cho rằng có chơi hụi nhưng bà L chỉ giao cho anh số tiền 210.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản, không phải số tiền thể hiện trong biên nhận.

- Bị đơn T1 xác định chị không tham gia dây hụi này và cũng không hốt hụi với số tiền 460.800.000 đồng như phía bà L trình bày mà bà L tự ghi vào sổ hụi chị có tham gia 06 phần hụi và tự trừ tiền nợ vào số tiền hốt hụi mà không giao hụi cho chị. Nhưng với biên nhận tiền có chữ ký của chị T1 đã được giám định theo Kết luận giám định số 1304/C09B ngày 23/4/2020 và Công văn số 345/C09B ngày 22/4/2021 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an (C09B) xác định được chữ ký “T1” trong biên nhận này là của chị T1.

- Lời khai của chồng chị T1 là anh T5 lại thừa nhận anh là người trực tiếp tham gia dây hụi này và hốt 06 phần hụi ngay kỳ đầu tiên vào ngày 15/12/2017 (âm lịch) với số tiền 210.007.800 đồng, sau khi hốt hụi anh có đóng lại 03 kỳ hụi chết với tổng số tiền 90.000.000 đồng rồi ngưng do bà L không giao đủ tiền hụi như thỏa thuận, vợ anh là chị T1 không có tham gia dây hụi này.

- Chị T1 cho rằng bà L sử dụng chữ ký có sẵn của chị để tự tạo ra biên nhận giao hụi ngày 15/12/2017 nhưng chị không có chứng cứ chứng minh, trái với kết luận giám định số 1304/C09B ngày 23/4/2020 và Công văn số 345/C09B ngày 22/4/2021 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an (C09B) xác định được chữ ký “T1” trong biên nhận này là của chị T1.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn cũng không thừa nhận số tiền nợ hụi theo biên nhận tiền hụi ngày 15/12/2017, nhưng bị đơn cho rằng giấy giao nhận nợ hụi mà bà L cung cấp cho Tòa nằm trong quyển sổ hụi của bà L tại trang 21 bà L lấy ra nội dung đoạn trên của trang này nhưng trang 21 này ghi nhiều nội dung khác nhau chưa được đối chất làm rõ. Hội đồng xét xử xét thấy biên nhận nợ hụi được viết tay mặt sau tờ hóa đơn của Cửa hàng bán vật liệu xây dựng Mai Phước T (Bút lục 23) không phải sao chép hay cắt ghép từ quyển sổ hụi trang 21 như bị đơn trình bày.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 28/10/2021, bị đơn xin tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ, triệu tập bà L vì bị đơn cho rằng bà L đang ở tại nơi cư trú, không phải đang định cư ở nước ngoài như đại diện theo ủy quyền trình bày. Qua kết quả xác minh theo phiếu trả lời xác minh nhân hộ khẩu của Công an Phường C, thị xã D số: 27/PXM-CAP ngày 19/11/2021 trả lời “Hiện tại, bà L không có sinh sống tại 58, Đường A, khu phố B, phường C, TXGC, TG”. Trong thời gian tạm ngừng phiên tòa bị đơn cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh để bảo vệ nội dung kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà L có văn bản trình bày ý kiến của bà L đối với nội dung trang giấy đánh dấu số 21 thì bà L cho rằng đây là sổ do bà

ghi để theo dõi tiền hui của những dây hui khác vì bà làm thảo hui rất nhiều dây không liên quan đến tiền hui của dây hui ngày 15 tháng 12 năm 2017 (AL) và bà cũng không cản trở tiền hui gì với chị T1, trong tờ giấy này bà ghi nhiều nội dung nhưng điều không liên quan đến tiền hui ngày 15/12/2017 (AL).

- Từ những lời trình bày, tài liệu chứng cứ thể hiện việc vợ chồng chị T1, anh T5 có tham gia chơi hui do bà L làm chủ là có cơ sở, được thể hiện qua lời khai của anh T5, chị T1, việc nhận tiền hui 06 phần được thể hiện qua biên nhận giao tiền hui của bà L ngày 15/12/2017 do chị T1 ký tên nhận tiền, chữ ký “T1” là do chị T1 ký theo kết quả giám định số 1304/C09B ngày 23/4/2020 và Công văn số 345/C09B ngày 22/4/2021 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh - Bộ Công an, việc đóng 03 kỳ hui chết 90.000.000 đồng phù hợp với lời khai của nguyên đơn và bị đơn, bị đơn cũng không chứng minh được việc không tham gia chơi hui và nợ hui như yêu cầu của nguyên đơn. Sau khi hui hui, bị đơn chỉ đóng được 03 kỳ hui chết nên còn phải đóng thêm 480.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện, do đó bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ hui cho nguyên đơn.

- Đối với khoản tiền hui mà bị đơn cho rằng đã đóng hui dư cho nguyên đơn nhưng tại cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố, nếu có căn cứ thì bị đơn có quyền khởi kiện nguyên đơn để yêu cầu trả lại số tiền đóng nợ hui dư bằng một vụ kiện dân sự khác theo quy định pháp luật.

- Từ những tài liệu chứng cứ và lời trình bày, tranh luận, nguyên tắc chứng minh của đương sự tại phiên tòa phúc thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ để xem xét kháng cáo của bị đơn.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại do chưa điều tra, đối chất làm rõ nội dung vụ án giữa nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cấp sơ thẩm đã thực hiện việc đối chất, tại phiên tòa phúc thẩm cũng tạm ngừng phiên tòa theo yêu cầu của bị đơn để bị đơn thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh nhưng bị đơn cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, nội dung kháng cáo của bị đơn. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

- Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị T1 không có căn cứ và cơ sở để chấp nhận nên bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ đúng pháp luật, nên cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do bị đơn kháng cáo nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trần Thị T1 (Đ).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 31/2021/DS-ST ngày 17 tháng 5 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng các Điều 280, 288, 471 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, khoản 3 Điều 28 và khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161 và khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Ngọc L. Buộc chị Trần Thị T1 và anh Mai Quốc T4 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ hụi là **480.000.000 đồng** (Bốn trăm tám mươi triệu đồng).

- Về chi phí giám định:

+ Bà L có nghĩa vụ hoàn lại chị T1 chi phí giám định là **1.900.000 đồng** (Một triệu chín trăm nghìn đồng).

+ Chị T1 và anh T5 có nghĩa vụ liên đới hoàn lại bà L chi phí giám định là **4.900.000 đồng** (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Ngọc L có đơn yêu cầu gửi cơ quan thi hành án, nếu bị đơn chị Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Mai Quốc T4 chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí dân sự:

### 2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) theo biên lai thu số 46101 ngày 10/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nên hoàn lại bà số tiền 11.700.000 đồng (Mười một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Chị T1 và anh T5 phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 23.396.000 đồng (*Hai mươi ba triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

## 2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bị đơn Trần Thị T (Đ) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0018719 ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Chi cục thi hành án huyện N, tỉnh Tiền Giang, nên đã thực hiện xong phần án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 8 giờ ngày 28/02/2022 có mặt anh M, bà T2 và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện N;
- THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Đăng công TTĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**